

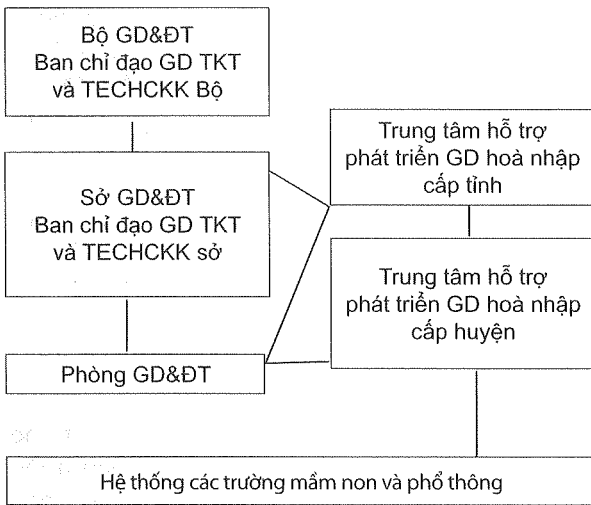


QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ YẾN PHƯƠNG

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Giáo dục đặc biệt (GDĐB) là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, được thực hiện ngay từ những năm đầu đất nước được hòa bình, thống nhất. Hệ thống quản lý GDĐB ở nước ta đã hình thành từ trung ương đến các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2002, được thể hiện bằng sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ: Hệ thống quản lý ngành dọc về GDĐB

* GDTKT: Giáo dục trẻ khuyết tật

* TECHCKK: Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vốn đa dạng trong các đặc điểm về đời sống vật chất và tâm lí nên cần có những cách tiếp cận giáo dục khác nhau. Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo triển khai nhiều loại hình trường, lớp cũng như các phương thức giáo dục khác nhau nhằm đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.

1. Các loại hình trường, lớp dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

a) Trường, lớp bán trú dân nuôi tại xã, liên xã

Nhà trường hoặc chính quyền địa phương xây dựng nhà ở cho trẻ ở các vùng xa đặc biệt khó khăn hoặc không đến được lớp học hằng ngày. Trẻ ở tập

trung, song khác với các trường nội trú là hàng tuần các em có thể về nhà, tự túc lương thực, thực phẩm và các điều kiện sống và học tập khác. Hình thức này chủ yếu được áp dụng cho các vùng dân tộc thiểu số, nơi trẻ và gia đình trẻ ở xa trường học.

b) Lớp ghép

Lớp ghép là lớp có trẻ của một hoặc nhiều khối lớp được kết hợp lại với nhau. Lớp ghép thường hình thành nhằm cải tiến khả năng tiếp cận ở những khu vực có mật độ dân cư thấp. Do đó, số trẻ quá thấp ở các lớp có thể tạo thành một lớp/cấp học đầy đủ.

c) Lớp cắm bản

Là các lớp hoặc cụm lớp học tại các thôn, bản, được thành lập dựa trên cơ sở một trường chính để tạo điều kiện cho trẻ tới trường thuận lợi hơn về khoảng cách và điều kiện giao thông.

d) Trường dân tộc nội trú

Hệ thống các trường dân tộc nội trú gồm:

- Trường dân tộc nội trú cấp trung ương và dự bị đại học;
- Trường dân tộc nội trú cấp tỉnh;
- Trường dân tộc nội trú cấp huyện;
- Trường bán trú cụm xã.

e) Lớp học linh hoạt, lớp học tình thương

Là loại hình lớp học được tổ chức với sự linh hoạt về thời gian, địa điểm, chương trình dạy học, người học và người dạy. Loại lớp học này có hiệu quả không những đối với các trẻ em dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, mà còn đối với trẻ em lang thang, trẻ em lao động sớm, trẻ em di cư tự do,...

f) Trường, lớp chuyên biệt

Là loại hình trường, lớp chỉ dành cho một đối tượng, một loại có hoàn cảnh đặc biệt (thường là dành cho đối tượng trẻ khuyết tật như trường dạy trẻ điếc, trường dạy trẻ mù, trường dạy trẻ chậm phát triển trí tuệ...).

g) Trường, lớp hội nhập

Là loại hình trường, lớp mà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt học có lớp học riêng nằm trong trường



phổ thông, trẻ chỉ tham gia vào các hoạt động học tập trung với lớp học bình thường khác khi trẻ có khả năng. Thông thường, trẻ chỉ có thể tham gia học cùng những trẻ khác ở một hay một số môn học, giờ học cụ thể nào đó mà thôi.

h) Lớp hoà nhập

Là loại hình trường, lớp mà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt học chung với mọi trẻ khác trong trường, lớp. Tuy nhiên, giáo viên phải thực hiện hàng loạt các điều chỉnh trong giáo dục và dạy học cho phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, đánh giá kết quả giáo dục và các điều chỉnh khác về môi trường lớp học, sự hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong tập thể lớp học, nhà trường,...

2. Các phương thức GDĐB ở Việt Nam

2.1. Giáo dục chuyên biệt

Mỗi dạng trẻ khuyết tật được dạy trong những lớp học, những trường học riêng biệt, ở đó trẻ được dạy theo chương trình riêng, bằng những phương pháp riêng phù hợp với dạng tật của mình và gần như hoàn toàn tách biệt với hệ thống giáo dục quốc dân.

Giáo dục chuyên biệt nhằm đến các mục tiêu cơ bản sau:

a) Mục tiêu nhân đạo

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là đối tượng được trợ giúp của các tấm lòng hảo tâm, từ thiện; là đối tượng cần nhận được tình yêu thương của cộng đồng và xã hội.

b) Mục tiêu chăm sóc, giáo dục

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là đối tượng của quá trình phục hồi chức năng và giáo dục, trong đó mục tiêu phục hồi chức năng là mục tiêu cuối cùng. Tùy thuộc vào quan điểm của các chuyên ngành khác nhau, người ta chia trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt thành các dạng, các mức độ nặng, nhẹ khác nhau để có thể tiến hành phục hồi chức năng và giáo dục sao cho phù hợp và có hiệu quả.

c) Mục tiêu giám sát, quản lí

Dành cho những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt mà khả năng hội nhập, hòa nhập là khó thực hiện được với trẻ.

2.2. Giáo dục hội nhập

Giáo dục hội nhập, về bản chất vẫn dựa vào Phương thức y tế - Phương thức phục hồi chức năng dành cho trẻ khuyết tật. Chẳng hạn, trẻ khiếm thính

do khiếm khuyết thính lực, không có khả năng nắm bắt những kĩ năng, nhất là khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói một cách đầy đủ để tự cải thiện cuộc sống của mình; trẻ khiếm thị do khả năng thị lực kém hoặc mù, hoàn toàn khó khăn trong tiếp nhận thông tin bằng thị giác; trẻ chậm phát triển trí tuệ khó khăn trong nhận thức và kiểm soát hành vi... Vì vậy, những trẻ này cần được phân loại qua các trắc nghiệm về y tế, tâm lí, trí tuệ,... và được xếp vào các nhóm, mức độ tật khác nhau. Trẻ được tiến hành phục hồi chức năng để có thể tiếp cận sự phát triển như trẻ khác trong các trường, trung tâm chuyên biệt hoặc được học tại các lớp chuyên biệt trong trường phổ thông. Sau khi xét thấy có sự phát triển gần với trẻ khác, trẻ được đưa vào học trong trường phổ thông ở một số tiết học hoặc tham gia vào một số các hoạt động cùng trẻ khác. Có 4 mức độ hội nhập: Hội nhập về thể chất, hội nhập về chức năng, hội nhập xã hội, hội nhập hoàn toàn.

2.3. Giáo dục hoà nhập

Giáo dục hoà nhập được hiểu là giáo dục cho tất cả mọi trẻ em, xây dựng trường giáo dục hoà nhập không chỉ là phương hướng hoàn thiện nhà trường theo các giá trị hoà nhập mà còn nhằm xây dựng các mối quan hệ hợp tác và cải thiện tốt hơn môi trường dạy và học hoà nhập.

Nguyên lí của giáo dục hoà nhập là thừa nhận tính đa dạng, nhận thức sự khác biệt giữa mọi cá nhân là bình thường. Môi trường học tập phải thích nghi với nhu cầu cá nhân của từng trẻ, chứ không bắt buộc trẻ phải chịu sự chi phối của các giả thuyết sẵn có trong nội dung, tiến độ và tính chất của quá trình học tập.

Giáo dục hoà nhập là giáo dục mọi trẻ em trong lớp học bình thường của trường phổ thông. Giáo dục hoà nhập là hỗ trợ mọi trẻ em, trong đó có trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cơ hội bình đẳng tiếp nhận dịch vụ giáo dục với những hỗ trợ cần thiết trong lớp học, phù hợp tại trường phổ thông, nơi trẻ sinh sống, nhằm chuẩn bị trở thành những thành viên đầy đủ của xã hội.

Giáo dục hoà nhập có những đặc trưng cơ bản:

- + Giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội;
- + Trẻ đi học ở cơ sở giáo dục tại nơi trẻ đang sinh sống;
- + Không đánh đồng mọi trẻ, mỗi trẻ là khác nhau;

+ Điều chỉnh phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ về mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục.

3. Thực trạng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2005), Việt Nam có 2.777.210 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, chiếm khoảng 3% dân số và chiếm 9,2% dân số trong độ tuổi, trong đó :

- Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi: 320.000;
- Trẻ em khuyết tật, tàn tật: 1.200.000;
- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS: 6.630;
- Trẻ em lang thang: 22.500;
- Trẻ em bị xâm hại tình dục: 19.000;
- Trẻ em nghiện ma túy: 1.800;
- Trẻ em vi phạm pháp luật: 13.800;

Trẻ em dân tộc ít người sống ở các vùng sâu, xa: 929.700;

- Số còn lại là trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình. Trong đó:

- Trẻ đang sinh hoạt, học tập trong các trường giáo dưỡng: 2.203;
- Trẻ hiện đang ở trong các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục (trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ đường phố, trẻ khuyết tật, trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em mại dâm, trẻ em ảnh hưởng và nhiễm HIV/AIDS, liên quan đến ma túy): 25.000;
- Gần 300.000 trẻ khuyết tật đang theo học hoà nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông;

- Có 373 trung tâm xã hội bảo trợ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó 40% các cơ sở này là do nhà nước quản lí.

- Có 47/63 tỉnh thành có hoạt động chăm sóc thay thế cho 43,337 trẻ.

4. Thực trạng GDĐB ở Việt Nam

Bên cạnh một số thành tựu nhất định như huy động được một số lượng trẻ có nhu cầu đặc biệt ra lớp, quy mô đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ ngày một tăng, chương trình giáo dục được xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất ngày một tăng ... việc thực hiện GDĐB ở Việt Nam trong thời gian qua vẫn tồn tại những hạn chế:

+ Nhận thức của xã hội nói chung và của ngành giáo dục nói riêng về GDĐB chưa đầy đủ. Mặc dù nền kinh tế - xã hội của nước ta phát triển ổn định trong một thời gian dài, nhưng sự đầu tư cho GDĐB trong thời gian qua mới dừng lại ở mức độ nhất định và không đồng đều;

+ Chậm đổi mới tư duy giáo dục dẫn đến hệ thống giáo dục đáp ứng không kịp thời với các yêu cầu mới của xã hội, của gia đình và nhu cầu học tập của trẻ có nhu cầu đặc biệt;

+ Cơ chế quản lí giáo dục còn nhiều bất cập, sự phân cấp quản lí giáo dục chưa rõ ràng và đủ mạnh, nhận thức và năng lực quản lí, chỉ đạo GDĐB ở các địa phương và các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế;

+ Cơ chế phối hợp giữa các ban ngành các cấp còn yếu và thiếu đồng bộ dẫn đến việc chưa phát huy được sức mạnh và vai trò của từng thành viên cũng như của toàn bộ hệ thống xã hội trong việc thực hiện GDĐB.

5. Kinh nghiệm quốc tế về quản lí GDĐB

Một trong những quốc gia chúng tôi đi sâu nghiên cứu về quản lí GDĐB là Israel. Tìm hiểu về hệ thống GDĐB của quốc gia này cho chúng tôi nhiều kinh nghiệm để nghiên cứu hệ thống GDĐB ở Việt Nam. Cụ thể:

Quản lí GDĐB ở Israel là một hệ thống được bắt đầu từ việc bổ nhiệm một hội đồng làm nhiệm vụ liên quan đến trẻ có nhu cầu đặc biệt. Bộ trưởng là người có quyền lựa chọn các thành viên của hội đồng.

Hội đồng này có 7 thành viên, gồm: Một đại diện của cơ quan giáo dục địa phương; hai thành tra của bộ giáo dục và văn hoá; một nhà tâm lí giáo dục; một bác sĩ chuyên ngành nhi khoa; một nhà hoạt động xã hội; một đại diện của cha mẹ trẻ có nhu cầu đặc biệt. Hội đồng sẽ quyết định trẻ có nhu cầu đặc biệt được phép làm những gì trong lĩnh vực GDĐB và quyền lợi của trẻ trong việc nghiên cứu về GDĐB;

Mặc dầu vậy, bộ trưởng sẽ là người quyết định những trợ cấp mà trẻ được nhận trên cơ sở quyết định của hội đồng; bộ trưởng bộ giáo dục cùng với bộ trưởng tài chính sẽ quyết định ngân sách hàng năm cho việc mở rộng số lượng quyền dành cho GDĐB.

Cứ ba năm một lần, người đứng đầu của trung tâm nghiên cứu GDĐB sẽ đưa các vấn đề của trẻ có

nhu cầu đặc biệt được nghiên cứu tại trung tâm ra xem xét lại trước hội đồng.

Ngoài ra, bộ trưởng bộ giáo dục chỉ định thành lập hội đồng kháng cáo bao gồm 7 thành viên: Người đứng đầu bộ giáo dục và văn hoá tại quận; nhà tâm lý giáo dục thuộc bộ giáo dục và văn hoá tại quận; thanh tra giáo dục đặc biệt; nhà hoạt động xã hội; một chuyên gia y tế; cha mẹ trẻ có nhu cầu đặc biệt do bộ trưởng trực tiếp quyết định; một vị đại diện cho tổ chức công cộng. Chủ tịch hội đồng có quyền triệu tập các thành viên của hội đồng.

Hội đồng kháng cáo có các quyền đảm đương việc kháng cáo và thay đổi quyết định của hội đồng ra quyết định liên quan đến trẻ có nhu cầu đặc biệt; đưa vấn đề ra trước hội đồng ra quyết định để xem xét sâu sắc hơn; hội đồng kháng cáo sẽ đưa ra ý kiến trong vòng 20 ngày kể khi đưa ra quyết định kháng cáo, trừ khi có lý do đặc biệt thì thời gian được kéo dài hơn. Quyết định của hội đồng này mới là quyết định cuối cùng dành cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Sau khi có quyết định cuối cùng này trẻ sẽ được hưởng chương trình GDĐB phù hợp nhất với trẻ tại các cơ sở giáo dục.

Việc thực hiện quyết định của hội đồng sẽ được trao cho cơ sở giáo dục, đứng đầu là hiệu trưởng. Hiệu trưởng cùng hội đồng giáo dục nhà trường xem xét việc chuyển giao quyền này đến từng giáo viên. Căn cứ vào các thông tin về trẻ, các yêu cầu mà cơ sở giáo dục phải đáp ứng, giáo viên sẽ thiết kế và thực hiện chương trình giáo dục phù hợp nhất với mỗi trẻ về mọi phương diện. Việc thực hiện chương trình được thường xuyên kiểm tra, đánh giá bởi các cấp. Thông tin thu được từ quá trình kiểm tra, đánh giá giúp cơ sở giáo dục điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục... với từng trẻ để cung cấp cho các cháu những điều kiện phát triển thuận lợi nhất.

6. Giải pháp phát triển GDĐB ở Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn quản lý GDĐB ở Việt Nam và mô hình quản lý GDĐB ở Israel, chúng tôi có một số đề xuất sau:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về GDĐB, nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp dân cư trong xã hội;

b) Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho GDĐB: Cán bộ nghiên cứu, giảng viên, giáo viên,

cán bộ quản lý giáo dục các cấp, cán bộ cộng đồng, cha mẹ trẻ có nhu cầu đặc biệt;

c) Chỉ đạo và giám sát hỗ trợ việc điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp, môi trường dạy học và đánh giá kết quả giáo dục, nâng cao chất lượng GDĐB tại các trường học;

d) Phát triển hệ thống dịch vụ và đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ GDĐB;

e) Hình thành hệ thống các trung tâm hỗ trợ phát triển GDĐB;

f) Hoàn thiện hệ thống và đổi mới cơ chế quản lý GDĐB, chú trọng tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý;

g) Tăng cường sự phối hợp liên ngành, sự tham gia của cộng đồng, gia đình trong GDĐB;

h) Đảm bảo ngân sách nhà nước cho GDĐB đồng, thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong GDĐB.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật* ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (2003), *Kế hoạch hành động quốc gia cho mọi người (GDCMN) 2003-2015*, Hà Nội.
3. Nguyễn Xuân Hải (2009), *Giáo trình quản lý trường lớp dạy trẻ có nhu cầu đặc biệt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Luật số 51/2010/QH12 ban hành Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010*
5. *Luật Giáo dục đặc biệt của Israel, 1988*
6. Dr Y. Shabat và N. Indyk Klein, "*Semina for Vietnamese Educators on Special Education 09-03-2010*", Trung tâm Ofri thuộc tổ chức Mashav, Jerusalem, Israel.
7. Israel information center, "*Facts about Israel*", Printed by Keter press, Jerusalem, Israel, 2008.

SUMMARY

Based on the study of special education management in Vietnam and Israeli special education model, the author proposes some measures for developing special education in Vietnam.